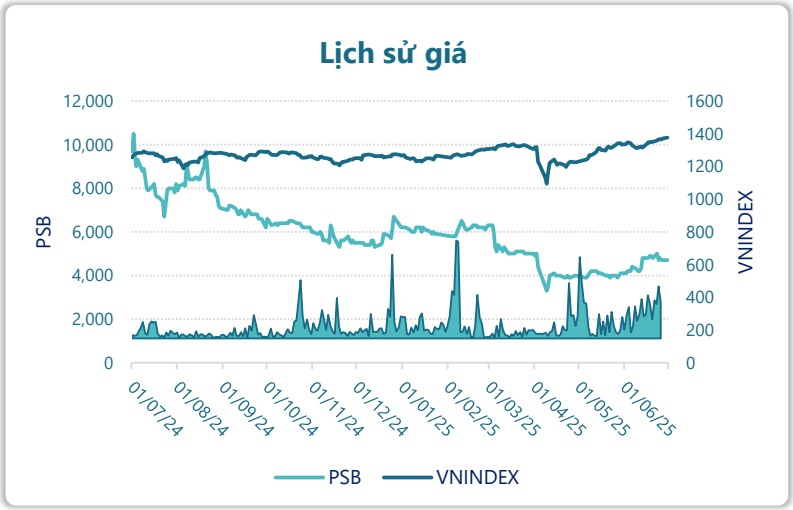
CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (UPCOM: PSB)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,300
SL cổ phiếu LH	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	123,120
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	235
P/E	68.9
EPS	68

DT thuần

Q2/25

51.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.10| -13.8%

YoY: ▲ 20.8| 68.7%

LN sau thuế

Q2/25

0.97

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.63| 186%

YoY: ▲ 2.78| 154%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

2.4%

+/- YoY: ▲ 7.6%

DT thuần

6T 2025

110

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 42.5| 63.1%

LN sau thuế

6T 2025

1.31

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.66| 197%

ROE

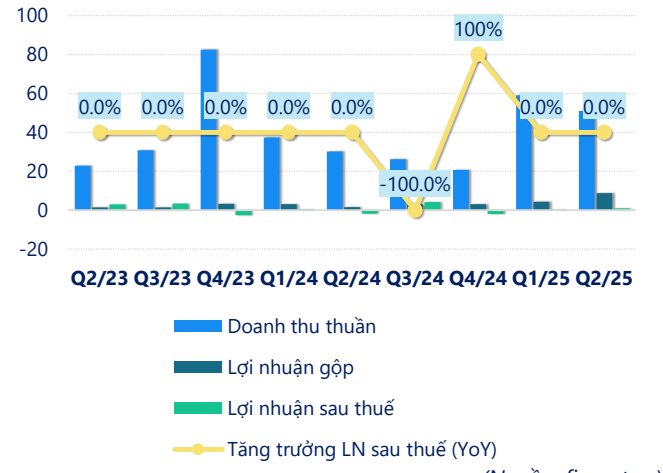
Q2/25

0.6%

+/- YoY: ▲ 0.7%

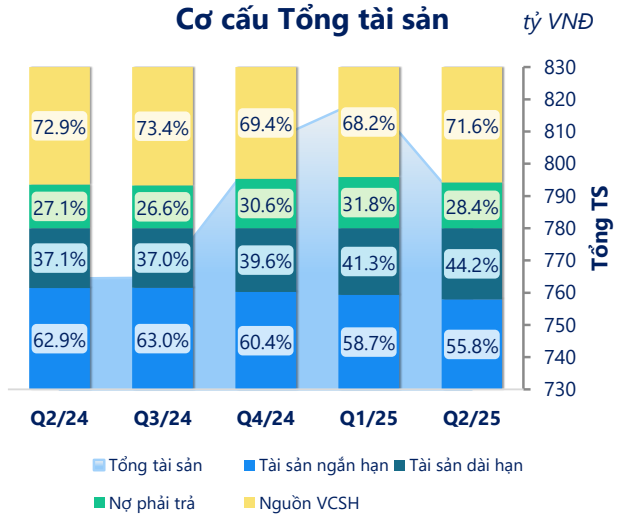
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



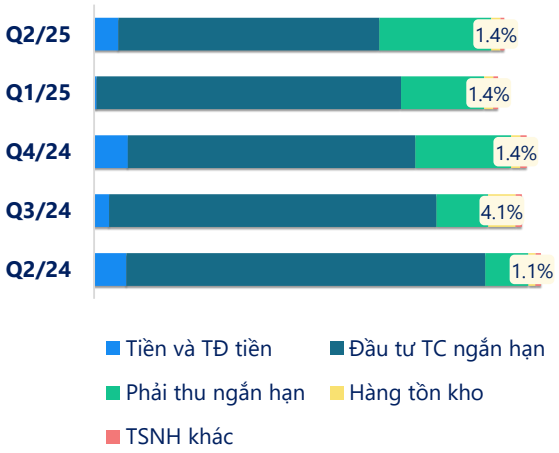
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



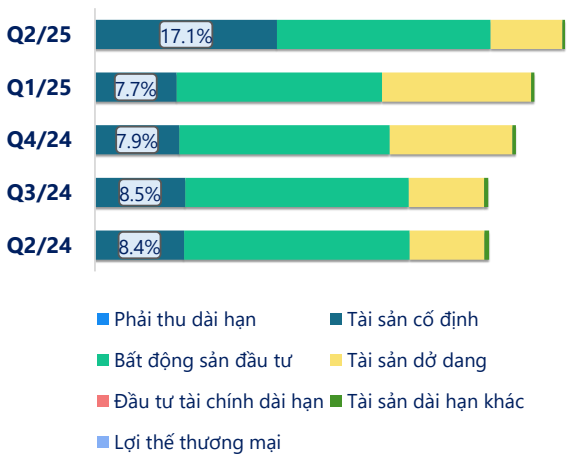
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



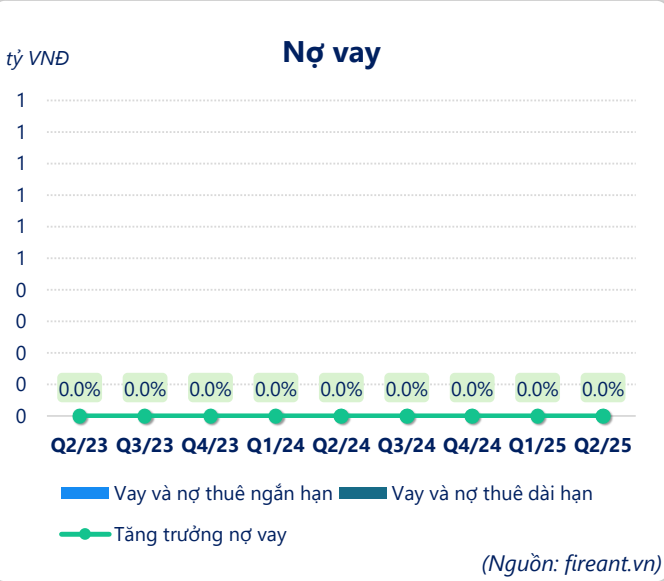
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



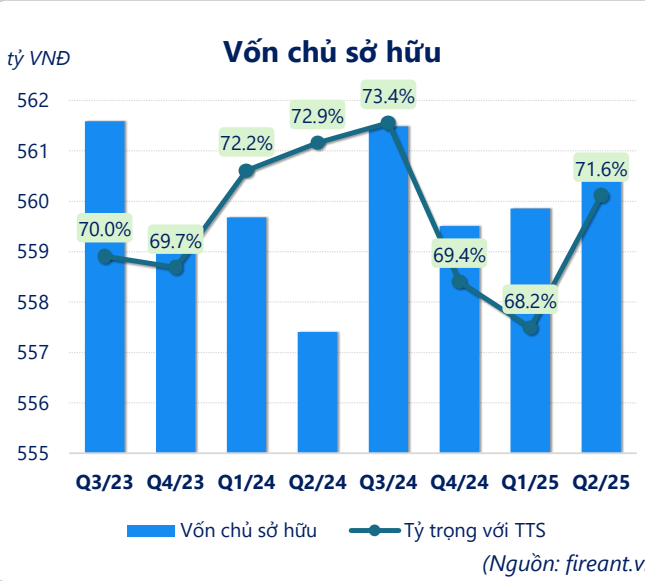
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



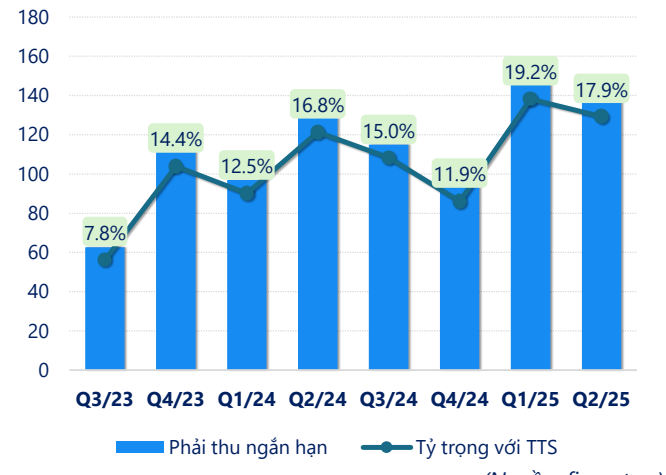
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



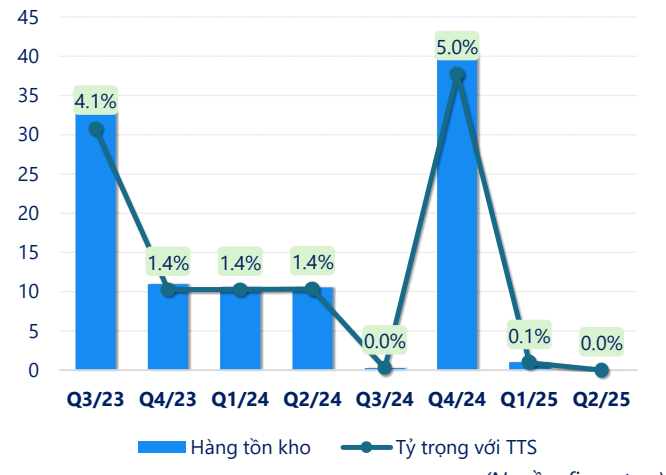
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



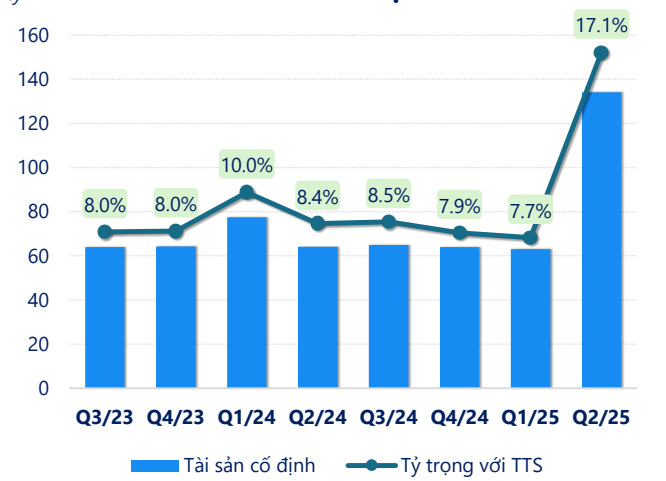
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



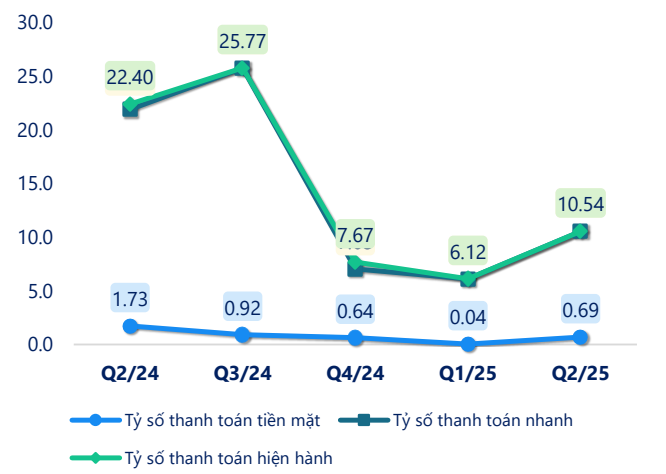
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



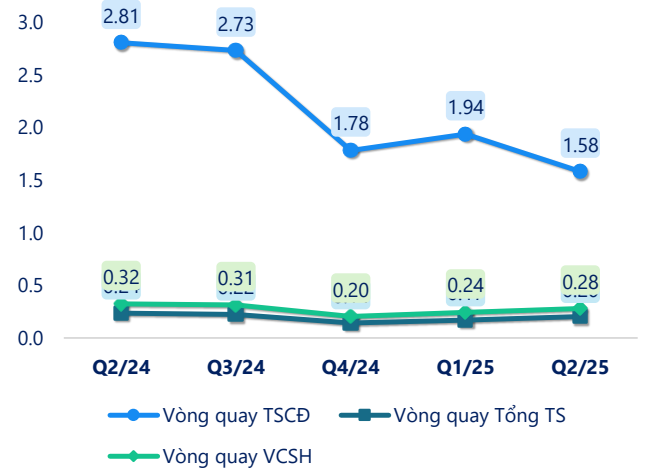
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**764**	**765**	**806**	**821**	**783**
Tài sản ngắn hạn	**481**	**482**	**487**	**482**	**437**
Tiền và tương đương tiền	37.1	17.2	40.8	3.07	28.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	300	347	307	316	261
Phải thu ngắn hạn	129	115	96.3	158	141
Hàng tồn kho	10.5	0.24	40.6	1.01	0.01
Tài sản ngắn hạn khác	4.57	2.41	2.44	4.52	7.22
Tài sản dài hạn	**283**	**283**	**319**	**339**	**346**
Phải thu dài hạn	0.00	0.00	0.00	0.00	0.02
Tài sản cố định	64.1	64.9	63.9	63.0	134
Bất động sản đầu tư	162	161	160	158	157
Tài sản dở dang	53.7	54.0	92.9	115	52.8
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3.54	3.13	2.80	2.45	2.12
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**207**	**203**	**247**	**261**	**223**
Nợ ngắn hạn	**21.5**	**18.7**	**63.5**	**78.7**	**41.5**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	5.15	0.56	4.50	54.7	10.1
Nợ dài hạn	186	184	183	182	181
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**557**	**561**	**560**	**560**	**561**
Vốn chủ sở hữu	**557**	**561**	**560**	**560**	**561**
Vốn điều lệ	500	500	500	500	500
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)